

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 5 - 2018

V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vệ

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị M (tên gọi khác là N), sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà 417, ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Thành L (tên gọi khác là C), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 78, ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M và anh L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Lê Thị M trình bày: Năm 2004, chị M và anh L kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/9/2011.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, nhưng khoảng một năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh L đi làm xa khoảng 15 đến 30 ngày mới về nhà một lần, chị M ở nhà cùng cha mẹ chồng. Mẹ chồng thường đi đánh bạc, ở nhà chỉ còn chị M và cha chồng nên chị M bị cha chồng xúc phạm thân thể nhiều lần nhưng không thành. Mẹ chồng và anh L đều biết nhưng không có ý kiến. Từ đó, chị M bị trầm cảm phải đi điều trị nhiều lần.

Năm 2005 chị M bỏ nhà đi một tháng rồi về hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Sau đó vợ chồng ra ngoài sống thì gia đình chồng có lời lẽ thiếu tế nhị với chị M, mỗi khi có đám tiệc trong gia đình thì vợ chồng phải về nhà ở vài ngày, chị M không về thì gia đình anh L nói nặng lời, còn về thì tạo cơ hội cho cha chồng. Vì cha chồng chưa bao giờ từ bỏ ý định hiếp dâm chị M và chị M luôn bị ám ảnh về hành vi của cha chồng. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh L đánh chị M ba lần, có lần bị gãy ngón tay và bất hòa với gia đình chồng ngày càng gay gắt. Anh L là con út không thể ra ở riêng và không có ý kiến bênh vực chị M. Vì vậy, chị M và anh L đã nhiều lần bất hòa, xa nhau rồi hàn gắn lại nhiều lần. Tháng 8/2017 vợ chồng sống xa nhau đến nay.

Khoảng thời gian xa nhau, mẹ anh L kêu chị M về để hàn gắn lại tình cảm nhưng bà lại dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm nhân cách của chị M, gia đình anh L đe dọa đánh chị M. Ngày 06/5/2018 anh L uống rượu, bia về đánh vào mặt chị M hai cái nên chị M không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh L, không đồng ý cho anh L cơ hội hàn gắn tình cảm. Chị M yêu cầu được ly hôn với anh L.

Đối với hành vi hiếp dâm của cha chồng chị M không yêu cầu xử lý hình sự.

Về con chung: Chị M và anh L có hai con chung tên Võ Thị Triệu V, sinh ngày 04/10/2011 và Võ Thị Triệu H, sinh ngày 30/7/2016, hiện nay Võ Thị Triệu V đang sống chung với anh L, Võ Thị Triệu H hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung Võ Thị Triệu H, đồng ý anh L được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Triệu V. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi Triệu H và chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Triệu V.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Võ Thành L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị M kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/9/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng cha mẹ anh L. Anh L đi làm ở Tháp Mười khoảng 15 đến 30 ngày mới về nhà một lần. Chị M sống cùng cha mẹ ruột anh L. Mẹ anh L có đánh bạc nhưng chỉ mang tính giải trí, đối với lời trình bày của chị M về hành vi hiếp dâm của cha anh L với chị M thì anh L có hỏi nhưng cha anh L nói không có và quá trình sống chung anh L nhận thấy cha có nhân cách tốt, không thể xúc phạm, hiếp dâm chị M được. Chị M có bị bệnh tà, có đi điều trị ở bệnh viện, bác sĩ có khám bệnh nhưng chỉ cho thuốc

rồi về không kết luận bệnh gì. Vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh L có đánh chị M hai đến ba lần và vợ chồng sống xa nhau ba đến bốn lần nhưng cũng hàn gắn lại được tình cảm. Khoảng tháng 8/2017 vợ chồng có nợ tiền nên chị M đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh để có tiền trả nợ. Anh L đồng ý cho chị M đi làm một tháng nhưng chị M đi đến nay không về. Những mâu thuẫn trong gia đình đúng như lời trình bày của chị M, mẹ anh L có xúc phạm chị M, còn anh L không thể bênh vực chị M. Ngày 06/5/2018 chị M nói chuyện điện thoại với người đàn ông khác, anh L ghen nên có đánh vào mặt chị M. Anh L hứa sẽ sửa đổi tính tình, mong chị M cho anh cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nuôi dạy con chung. Anh L vẫn còn thương chị M nên không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh L và chị M có hai con chung tên Võ Thị Triệu V, sinh ngày 04/10/2011 và Võ Thị Triệu H, sinh ngày 30/7/2016, hiện nay Võ Thị Triệu V đang sống chung với anh L, Võ Thị Triệu H hiện đang sống chung với chị M.

Anh L yêu cầu được nuôi con chung tên Triệu V, đồng ý chị M được tiếp tục nuôi con chung tên Triệu H. Anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con tên Triệu V và anh L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Triệu H.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị M và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn và nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Địa chỉ của bị đơn tại thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L sống chung từ năm 2004, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị M cho rằng cha chồng có hành vi xúc phạm,

hiếp dâm chị M nhiều lần, do chị M chống cự nên không thực hiện được. Việc này anh L biết nhưng không có ý kiến. Tại phiên tòa, anh L không thừa nhận cha anh L có hành vi hiếp dâm chị M. Chị M cũng không yêu cầu xử lý hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị M yêu cầu ly hôn với anh L, anh L không đồng ý ly hôn với chị M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M. Chị M và anh L thừa nhận vợ chồng sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh L có hành vi bạo lực gia đình với chị M nhiều lần và gia đình anh L có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm danh dự của chị M. Anh L là con út trong gia đình không thể sống xa cha mẹ, không thể bên vực chị M nên chị M không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, vợ chồng sống xa nhau nhiều lần, đến khoảng tháng 8/2017 sống xa nhau đến nay không hàn gắn tình cảm được.

Do vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh L có hành vi bạo lực gia đình với chị M nên hôn nhân giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì quan hệ hôn nhân. Việc anh L cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M nhưng anh L không thể sống riêng với gia đình và không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm với chị M nên chị M yêu cầu ly hôn với anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[5] Về con chung: Chị M và anh L thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Triệu V, sinh ngày 04/10/2011 và Võ Thị Triệu H, sinh ngày 30/7/2016.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị M và anh L thỏa thuận thống nhất về nuôi con như sau:

Chị M được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Triệu H, hiện đang sống chung với chị M.

Anh L được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Triệu V, hiện nay Triệu V đang sống chung với anh L.

Xét thấy, chị M và anh L tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị M và anh L.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi Triệu H và chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Triệu V. Anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi Triệu V và anh L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Triệu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có

[7] Về nợ chung: Không có

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị M.

Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Võ Thành L.

Con chung: Công nhận sự tự thỏa thuận của chị Lê Thị M và anh Võ Thành L.

Chị Lê Thị M được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Triệu H, sinh ngày 30/7/2016, hiện nay đang sống chung với chị M.

Anh Võ Thành L được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Triệu V, sinh ngày 04/10/2011, hiện nay Triệu V đang sống chung với anh L.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi Triệu H và chị M không tự nguyện cấp dưỡng nuôi Triệu V.

Anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con tên Triệu V và anh L cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Triệu H.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003263 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị M đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSTPCL;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Kim Oanh